

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/HSST

Ngày: 31-10-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng và ông Đỗ Hồng Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2024; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2024/QĐ-TA ngày 24/10/2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 24/TB-TA ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo VŨ VIỆT T sinh ngày 04/10/1991, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; căn cước công dân: 091091000204; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 10/12; không rõ bố đẻ và mẹ đẻ là bà Bùi Thị V sinh năm 1956; có vợ là Ngô Thị Thu U sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2022;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2024 đến ngày 27/06/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2024 đến nay; có mặt.

2. Bị cáo LÊ VĂN D sinh ngày 20/9/1976 tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; căn cước công dân: 034076004220; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 09/12; con ông Lê Văn H sinh năm 1949 và bà Ngô Thị M sinh năm 1950; có vợ là Trần Thị M1 sinh năm 1986; có 02 con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2024 đến ngày 27/06/2024 được thay đổi biện pháp

ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2024 đến nay; có mặt.

3. Bị cáo NGÔ VĂN CHIỀU sinh ngày 26/01/1983, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; căn cước công dân: 034083011116; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 07/12; con ông Ngô Sĩ T1 (Ngô Sỹ T2) sinh năm 1957 và bà Mai Thị N (đã chết); có vợ là Mã Thị D1 sinh năm 1985; có 02 con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2014.

- Nhân thân: ngày 18/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 37/2009/HSST ngày 18/6/2009; ngày 07/8/2009, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm; ngày 11/5/2010 chấp hành xong hình phạt tù).

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2024 đến ngày 27/06/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2024 đến nay; có mặt.

4. Bị cáo BÙI VĂN H1 sinh ngày 14/3/1994, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; căn cước công dân: 034094008373; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 09/12; con ông Bùi Văn H2 (đã chết) và bà Đỗ Thị H3 sinh năm 1963; có vợ là Lê Thị Thùy D2 sinh năm 2003.

- Nhân thân: Tháng 09/2012 đến tháng 6/2014 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ Bộ Q.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2024 đến ngày 27/06/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2024 đến nay; có mặt.

5. Bị cáo NGÔ SỸ TRIỆU sinh ngày 18/7/1980, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; căn cước công dân: 034080004697; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 09/12; con ông Ngô Sĩ T1 (Ngô Sỹ T2) sinh năm 1957 và bà Mai Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Lệ T3 sinh năm 1983; có 02 con, con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án: ngày 30/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” (Bản án số 82/2020/HS-ST ngày 30/9/2020; ngày 06/01/2021 thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm; ngày 30/9/2023 chấp hành xong thời gian thử thách của án treo);

- Tiền sự: không.

- Nhân thân: Tháng 02/2001 đến tháng 01/2003 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại đơn vị D544, Q1.

- Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2024 đến ngày 27/06/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2024 đến nay; có mặt.

6. Bị cáo BÙI DUY LINH sinh ngày 19/4/1976, tại huyện T, tỉnh Thái Bình;

nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; căn cước công dân: 034076005986; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 07/12; con ông Bùi Văn M2 sinh năm 1939 và bà Lê Thị B sinh năm 1940; có vợ là Nguyễn Thị T4 sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2008.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2024 đến ngày 27/06/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2024 đến nay; có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Ngô Văn B1 sinh năm 1984 và chị Trịnh Thị N1 sinh năm 1987; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

* *Người chứng kiến*: Anh Bùi Tùng D3 sinh năm 1994; địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 24/6/2024, gia đình anh Ngô Văn B1 có mời khách đến ăn cơm (lễ 49 ngày của bố anh B1) tại nhà ở của vợ chồng thuộc thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; trong đó có 06 bị cáo gồm: Bùi Văn H1, Vũ Việt T, Bùi Duy L, Ngô Sỹ T5, Ngô Văn C và Lê Văn D. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn uống xong thì T cùng D, C, H1 ngồi ngay tại chiếu vừa ăn cơm trong phòng khách nhà anh B1 uống nước, còn anh B1 do bị say rượu nên vào phòng trong để ngủ. Chiều, H1, D, T đã cùng rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “Lốc”. T lấy bộ tú lơ khơ để tại gầm ghế của gia đình anh B1 để chơi. Bốn người thống nhất cách chơi như sau: Dùng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân chia đều cho 4 người, mỗi người 10 quân, số quân bài còn lại úp vào và để dưới chiếu. Người chia bài là người đánh quân bài đầu tiên, tiếp theo là người liền kề bên phải dùng quân bài cao hơn để chặn quân bài của người vừa đánh; cứ thế cho đến khi có 1 trong 4 người đánh hết 10 quân bài thì ván bài kết thúc; người hết 10 quân bài đầu tiên là người thắng, ba người thua phải trả tiền cho người thắng, số tiền được tính bằng số quân bài họ chưa đánh được, mỗi quân bài nhân với 5.000 đồng. Trường hợp có người xin lốc nghĩa là sau khi chia bài xong, người này thấy bài của mình có thể đánh liền lúc hết 10 quân bài mà ba người cùng chơi không có quân bài nào chặn được thì thông báo với mọi người cùng chơi là “xin lốc” rồi đánh hết 10 quân bài, 3 người thua mỗi người phải trả cho người xin lốc 100.000 đồng; nếu ai bắt được lốc thì người bị bắt lốc phải trả cho người bắt lốc 400.000 đồng; trường hợp có người thua treo, nghĩa là khi ván bài kết thúc mà họ không đánh được quân bài nào thì người này phải trả cho người thắng 70.000 đồng.

Khi C, H1, D, T chơi “Lốc” được khoảng 30 phút thì có Ngô Sỹ T5 vào chơi, do đông người không thể chơi “Lốc” nên 05 người đã thống nhất chuyển hình thức chơi “Liên”, thống nhất luật chơi liên quy định như sau: Trước khi vào ván

bài, mỗi người chơi phải đặt tiền cược 20.000đồng. Sau khi những người chơi đặt tiền cược xong, người chia bài dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia đều cho những người chơi mỗi người 3 quân bài; người chia bài là người đưa ra mức tổ đầu tiên (Tiền tổ: thấp nhất là 20.000đ, cao nhất là 100.000đ), người chia bài là người đưa ra mức tổ đầu tiên. Nếu không tổ thì người đó úp bài xuống và coi như bị thua ván bài đó và họ mất số tiền đặt cược là 20.000đ, tiếp theo là người liên kế bên phải. Khi việc tổ kết thúc thì những người tổ và theo tổ phải so sánh bài với nhau; về quân bài thứ tự là: 2<3<4<5<6<7<8<9<10<J<Q<K<A; về chất: Rô>ơ>tép>bích; cách tính cao thấp: Sáp>liêng>ảnh; sau đó độ điểm; nếu không ai có liêng, ảnh, sáp thì những người chơi phải cộng điểm bài của mình để so sánh, tất cả các quân bài từ (10 đến K) đều tính là 0 điểm; nếu tổng điểm lớn hơn 10 thì lấy điểm là chữ số có hàng đơn vị, điểm cao nhất là 9, điểm thấp nhất là 0; người về nhất sẽ thu tiền của người đặt cược và người tham gia tổ.

Khi C, H1, D, T, Triệu chơi “Liêng” được khoảng 15 phút, thì Bùi Duy L vào tham gia chơi Liêng cùng, luật chơi vẫn như trước. Một lúc sau Ngô Sỹ T5 không chơi nữa mà đi về nhà.

Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi Chiều, H1, D, T, L đang chơi “Liêng” đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu và 6.995.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, thì T5 đến Công an huyện T đầu thú.

Các bị cáo khai do các bị cáo có uống rượu trước khi chơi nên các bị cáo chỉ nhớ ước chừng số tiền mang đi và có ý định sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc, Ngô Văn C khai sử dụng khoảng 1.200.000 đồng, Vũ Việt T khai sử dụng khoảng 1.350.000 đồng, Bùi Văn H1 khai sử dụng khoảng 1.200.000 đồng, Ngô Sỹ T5 khai sử dụng khoảng 1.000.000 đồng để đánh bạc, Bùi Duy L khai sử dụng khoảng 800.000 đồng để đánh bạc, Lê Văn D khai sử dụng khoảng 1.250.000 đồng để đánh bạc. Do các bị cáo có uống rượu trước khi chơi nên các bị cáo chỉ nhớ ước chừng số tiền mang đi và có ý định sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc.

Cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 09/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Ngô Văn C, Bùi Văn H1, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Ngô Văn B1 và chị Trịnh Thị N1 là chủ nhà nhưng có căn cứ xác định khi các bị cáo đánh bạc thì anh B1 đang ngủ, chị N1 dọn dẹp ở ngoài, không biết các bị cáo đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý đối với anh B1 và chị N1.

Tại phiên tòa;

- Các bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Ngô Văn C, Bùi Văn H1, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Ngô Văn C, Bùi Văn H1, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L về tội “Đánh bạc”.

+ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Sỹ T5 từ 06 tháng đến 09 tháng tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi 03 ngày tạm giữ và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn C từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Việt T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 09 ngày cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 09 ngày cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 09 ngày cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Duy L từ 09 tháng năm đến 01 năm cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 09 ngày cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc 6.995.000 đồng và tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 chiếc chiếu cói.

+ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Ngô Văn C, Bùi Văn H1 và Bùi Duy L

không tranh luận gì; riêng bị cáo Ngô Sỹ T5 tranh luận: Bản án số 82/2020/HS-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” bị cáo thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý nên thuộc 1 trong 5 trường hợp được xoá án tích theo quy định tại Điều 69 Bộ luật Hình sự, nhưng Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Kiểm sát viên giải thích rõ. Kiểm sát viên đối đáp: Tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là tội phạm thực hiện do lỗi cố ý, không thuộc trường hợp xoá án tích quy định tại khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự; ngày 30/9/2023, bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, ngày 06/01/2021 thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm, tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc là ngày 24/6/2024 thì chưa đủ thời hạn được xoá án tích theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự; vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo do thiếu hiểu biết và bồng bột, ham vui nhất thời nên đã không ý thức được việc làm của mình nên đã vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm; riêng bị cáo T5 đề nghị được cải tạo tại địa phương vì bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ và đang tìm hài cốt liệt sỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai người làm chứng là anh Ngô Văn B1; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ ngày 24/6/2024, tại phòng khách nhà ở của anh Ngô Văn B1 ở thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình các bị cáo: Vũ Việt T, Bùi Văn H1, Lê Văn D, Ngô Văn C, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi đánh “Lôc” và đánh “Liêng” thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.995.000 đồng.

[3] Các bị cáo Vũ Việt T, Bùi Văn H1, Lê Văn D, Ngô Văn C, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L đều là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc dù nhận thức được việc thực hiện hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

[4] Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định về Tội đánh bạc như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

.....
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5] Các bị cáo Vũ Việt T, Bùi Văn H1, Lê Văn D, Ngô Văn C, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L phạm tội "Đánh bạc", các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có vai trò là người thực hành, mặc dù các bị cáo khai nhận số tiền của mỗi cá nhân dùng vào việc đánh bạc nhưng tổng số tiền các bị cáo khai không phù hợp với số tiền cơ quan điều tra thu được nên không có căn cứ nào để xác định chính xác số tiền mà mỗi bị cáo dùng để đánh bạc, về thời gian tham gia đánh bạc thì có 04 bị cáo là Bùi Văn H1, Vũ Việt T, Ngô Văn C và Lê Văn D tham gia đánh bạc trong khoảng thời gian lâu hơn so với bị cáo T5 và bị cáo L (từ lúc bắt đầu đến khi bị phát hiện) nên mức độ phạm tội của 04 bị cáo này được đánh giá là cao hơn so với bị cáo T5 và bị cáo L.

[7] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Vũ Việt T, Bùi Văn H1, Lê Văn D, Bùi Duy L ngoài phạm tội lần này, các bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; bị cáo Ngô Văn C tuy đã bị kết án về tội Cướp giật tài sản nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích nên các bị cáo này đều được coi là người có nhân thân tốt không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Sỹ T5 là người có nhân thân xấu, bị cáo mới hết thời gian thử thách của án treo được một thời gian ngắn nhưng lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý,

thể hiện ý thức coi thường pháp luật; bị cáo T5 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tất cả 06 bị cáo gồm: Vũ Việt T, Bùi Văn H1, Lê Văn D, Bùi Duy L, Ngô Sỹ T5, Ngô Văn C đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, 04 bị cáo gồm Vũ Việt T, Bùi Văn H1, Lê Văn D, Bùi Duy L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; 04 bị cáo Bùi Văn H1, Lê Văn D, Ngô Văn C và Ngô Sỹ T5 còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo T5 và bị cáo C là anh em ruột đều có bác ruột là liệt sỹ, bà nội được truy tặng danh hiệu “mẹ Việt Nam anh hùng”, bị cáo T5 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo Lê Văn D có bác ruột, ông nội là người có công với cách mạng; bị cáo D và các bị cáo H1, T5 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

[8] Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Ngô Sỹ T5: đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo mà cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo nói riêng và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội song cũng cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, áp dụng mức phạt tù thấp nhất mà điều luật quy định đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Ngô Văn C: đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên cần cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Bùi Văn H1, Bùi Duy L lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, cũng như thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước ta, vừa tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy là phù hợp; thời gian các bị cáo bị tạm giữ được đối trừ vào hình phạt chính. Do các bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Bùi Văn H1, Bùi Duy

L không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, cũng cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo tất cả các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cần áp dụng khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, giảm tiền phạt cho các bị cáo dưới mức thấp nhất mà khung hình phạt quy định.

[9] Về xử lý vật chứng: Số tiền 6.995.000 đồng thu giữ trên chiếu là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 chiếc chiếu cói là tài sản của anh B1 và chị N1 đã không còn giá trị sử dụng các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Đ a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Sỹ T5, Ngô Văn C, Vũ Việt T, Lê Văn D, Bùi Văn H1 và Bùi Duy L phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Ngô Sỹ T5:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Sỹ T5 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được trừ đi 03 ngày tạm giữ từ 24/6/2024 đến 27/6/2024, phạt bổ sung 5.000.000 đồng.

2.2. Đối với bị cáo Ngô Văn C:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn C 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bổ sung 5.000.000 đồng.

Giao bị cáo Ngô Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

2.3. Đối với bị cáo Vũ Việt T:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Việt T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án được trừ đi 03 ngày tạm giữ được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2.4. Đối với bị cáo Lê Văn D:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án được trừ đi 03 ngày tạm giữ được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2.5. Đối với bị cáo Bùi Văn H1:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn H1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án được trừ đi 03 ngày tạm giữ được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2.6. Đối với bị cáo Bùi Duy L:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Duy L từ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện T nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án được trừ đi 03 ngày tạm giữ được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung 5.000.000 đồng; miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Vũ Việt T, Bùi Duy L, Lê Văn D, Bùi Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.995.000 đồng (Sáu triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) được đựng trong phong bì niêm phong số 309/KL-KTHS được dán kín niêm phong mặt trước có ghi “Hoàn trả mẫu vật giám định tiền giám định và bao gói niêm phong kèm theo Quyết định trưng cầu giám định số 365/QĐ-CSĐT ngày 04/03/2024” mặt sau phong bì tại các mép dán có 05 (năm)

hình dấu chức danh, họ tên: Giám định viên Phạm Văn K, 02 (hai) chữ ký, 01 (một) dòng chữ viết: Lương Trường G.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 chiếc chiếu cói.

(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Vũ Việt T, Lê Văn D, Ngô Văn C, Bùi Văn H1, Ngô Sỹ T5 và Bùi Duy L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/10/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thụy Văn;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh